TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN X** **TỈNH BÀ RỊA–VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2024/DS-ST
Ngày: 04/4/2024
V/v "Tranh chấp Hợp đồng tín dụng, Hợp đồng Thẻ tín dụng".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN X, TỈNH BÀ RỊA–VŨNG TÀU

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Bá Khuyến.
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà La Thị Thu Nga.
2. Ông Trần Đình Hưởng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Danh Thị Ngọc Lệ – Thư ký Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Trần Thanh – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 04/2023/TLST-KDTM ngày 17 tháng 7 năm 2023 và Thông báo sửa chữa, bổ sung thông báo về việc thụ lý vụ án số 04A/TB-TA, ngày 31 tháng 7 năm 2023 về việc *"Tranh chấp Hợp đồng tín dụng, Hợp đồng Thẻ tín dụng"*.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2024/QĐXXST-DS, ngày 27/02/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 31/2024/QĐST-DS, ngày 18/3/2024, giữa các đương sự:

1/ *Nguyên đơn*: Ngân hàng Thương mại Cổ phần B.

Địa chỉ: Tòa nhà HM T, số 00 Nguyễn Thị MK, phường 0, quận 0, thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Quang T. Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Đình A. Chức vụ: Giám đốc Trung tâm Quản lý và thu hồi nợ - Ngân hàng Thương mại Cổ phần B *(Văn bản ủy quyền số 846/2023/BVBank/UQ-QL&THN, ngày 14/12/2023)*.

Ông Nguyễn Đình A ủy quyền tham gia tố tụng cho các ông/bà Ngô Thị Thảo L, Trần Ngọc P và Đào Hoàng Q. Chức vụ: Nhân viên Trung tâm Quản lý và thu hồi nợ - Ngân hàng Thương mại Cổ phần B.

Địa chỉ: Cùng trú tại số 00 Lý Thường K, phường 0, quận T, thành phố Hồ Chí Minh.

(Văn bản ủy quyền số 46A/24/BVBank/UQ-QL&THN, ngày 15/01/2024 và số 158/24/BVBank/UQ-QL&THN, ngày 19/3/2024).

Các ông/bà T, A, L và P (Vắng mặt); ông Q (Có mặt).

2/ *Bị đơn*: Bà Trương Thị T, sinh năm 1965 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện X, tỉnh Bà Rịa–Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình tố tụng nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần B có đại diện theo ủy quyền là bà Ngô Thị Thảo L và ông Đào Hoàng Q trình bày:

Ngân hàng Thương mại Cổ phần B – Chi nhánh Nam SG – Phòng giao dịch PMH (sau đây viết tắt là: Ngân hàng) và bà Trương Thị T có ký kết Hợp đồng tín dụng từng lần khách hàng cá nhân số 01521000002…, ngày 08/01/2021; Giấy nhận nợ số 01521000002000…, ngày 08/01/2021; Thỏa thuận sửa đổi, bổ sung số 01521000002…, ngày 04/10/2021 và Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng, mở, sử dụng tài khoản thanh toán và đăng ký dịch vụ Ngân hàng điện tử số 01521000090…, ngày 21/01/2021 nội dung như sau:

- Hợp đồng tín dụng từng lần khách hàng cá nhân số 01521000002…, ngày 08/01/2021; Giấy nhận nợ số 01521000002000…, ngày 08/01/2021 và Thỏa thuận sửa đổi, bổ sung số 01521000002…, ngày 04/10/2021. Về số tiền vay là 1.350.000.000đ (một tỷ ba trăm năm mươi triệu) đồng; Thời hạn vay: 165 tháng; Lãi suất cho vay: 9,09%/năm, cố định trong 12 tháng đầu tiên. Lãi suất của toàn bộ dư nợ vay phát sinh nêu trên sẽ do Ngân hàng quyết định điều chỉnh theo định kỳ 03 tháng/lần kể từ ngày 08/01/2022, với mức lãi suất bằng lãi suất cơ sở của Ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh + Biên độ 3,99%/năm; Mục đích vay: Vay mua bất động sản là thửa đất số 000, tờ bản đồ số 0, tọa lạc tại ấp M1, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An.

- Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng, mở, sử dụng tài khoản thanh toán và đăng ký dịch vụ Ngân hàng điện tử số 01521000090…, ngày 21/01/2021. Số tài khoản 900505950…; Hạn mức thẻ: 65.000.000đ (sáu mươi lăm triệu) đồng; Loại thẻ: Visa Classic; Điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ theo quy định của Ngân hàng từng thời kỳ.

Sau khi ký hợp đồng, bà T đã thực hiện việc rút vốn tại Ngân hàng với tổng số tiền là 1.350.000.000đ (một tỷ ba trăm năm mươi triệu) đồng theo Giấy nhận nợ số 01521000002000…, ngày 08/01/2021 và mở thẻ tín dụng ngày 21/01/2021 hạn mức 65.000.000đ (sáu mươi lăm triệu) đồng.

Để bảo đảm nghĩa vụ trả nợ cho khoản vay và thẻ tín dụng nêu trên bà T đã ký với Ngân hàng Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 01521000010…,

ngày 15/01/2021, số công chứng 000, quyển số 01TP/CC-SCC/HĐGD do Văn phòng Công chứng VVN, tỉnh Long An chứng nhận. Tài sản thế chấp là quyền sử dụng thửa đất số 000, tờ bản đồ số 0, tọa lạc tại ấp M1, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BE 937…, số vào sổ cấp GCN: CH 011… do Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Long An cấp ngày 19/12/2012, cập nhật thay đổi chủ sở hữu ngày 14/01/2021 cho bà Trương Thị T.

Quá trình vay vốn, bà T đã có hành vi vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ gốc cũng như nợ lãi cho Ngân hàng theo các thỏa thuận đã ký tại Hợp đồng tín dụng từng lần khách hàng cá nhân; Giấy nhận nợ; Thỏa thuận sửa đổi, bổ sung và Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng, mở, sử dụng tài khoản thanh toán và đăng ký dịch vụ Ngân hàng điện tử. Vì vậy, Ngân hàng đã thực hiện thu hồi nợ trước hạn theo Thông báo về việc thu hồi nợ trước hạn số 000/2023/TB-BVB, ngày 25/04/2023. Tuy nhiên, hết thời hạn yêu cầu thanh toán nhưng bà T vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng.

Tạm tính đến ngày 04/4/2024, bà T còn nợ Ngân hàng tổng số tiền là 1.930.241.219 đồng, trong đó:

- Hợp đồng tín dụng từng lần khách hàng cá nhân số 01521000002…, ngày 08/01/2021; Giấy nhận nợ số 01521000002000…, ngày 08/01/2021 và Thỏa thuận sửa đổi, bổ sung số 01521000002…, ngày 04/10/2021 gồm: Nợ gốc 1.292.233.197 đồng, lãi trong hạn là 398.183.534 đồng, lãi quá hạn là 65.517.916 đồng, lãi phạt chậm trả lãi là 36.134.026 đồng. Tổng là 1.792.068.673 đồng.

- Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng, mở, sử dụng tài khoản thanh toán và đăng ký dịch vụ Ngân hàng điện tử số 01521000090…, ngày 21/01/2021 gồm: Nợ gốc 62.154.192 đồng, lãi trong hạn 4.064.219 đồng, lãi quá hạn 71.998.135 đồng. Tổng là 138.172.546 đồng.

Để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cũng như đảm bảo việc thu hồi vốn phục vụ hoạt động kinh doanh, Ngân hàng đề nghị Tòa án xem xét giải quyết các yêu cầu sau:

1. Buộc bà T phải thanh toán ngay cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 04/4/2024 là 1.930.241.219 đồng, trong đó:

- Hợp đồng tín dụng từng lần khách hàng cá nhân số 01521000002…, ngày 08/01/2021; Giấy nhận nợ số 01521000002000…, ngày 08/01/2021 và Thỏa thuận sửa đổi, bổ sung số 01521000002…, ngày 04/10/2021 gồm: Nợ gốc 1.292.233.197 đồng, lãi trong hạn là 398.183.534 đồng, lãi quá hạn là 65.517.916 đồng, lãi phạt chậm trả lãi là 36.134.026 đồng. Tổng là 1.792.068.673 đồng.

- Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng, mở, sử dụng tài khoản thanh toán và đăng ký dịch vụ Ngân hàng điện tử số 01521000090…, ngày 21/01/2021

gồm: Nợ gốc 62.154.192 đồng, lãi trong hạn 4.064.219 đồng, lãi quá hạn 71.998.135 đồng. Tổng là 138.172.546 đồng.

2. Buộc bà T phải chịu toàn bộ số tiền lãi, phí, phạt phát sinh kể từ ngày 05/4/2024 theo mức lãi suất quá hạn được quy định trong Hợp đồng tín dụng từng lần khách hàng cá nhân ngày 08/01/2021; Giấy nhận nợ ngày 08/01/2021; Thỏa thuận sửa đổi, bổ sung ngày 04/10/2021 và Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng, mở, sử dụng tài khoản thanh toán và đăng ký dịch vụ Ngân hàng điện tử ngày 21/01/2021.

3. Trường hợp bà T không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ toàn bộ các khoản nợ nêu trên thì Ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền kê biên, phát mại toàn bộ tài sản bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 01521000010…, ngày 15/01/2021, số công chứng 000, quyển số 01TP/CC-SCC/HĐGD do Văn phòng Công chứng VVN, tỉnh Long An chứng nhận để thu hồi nợ. Tài sản thế chấp là quyền sử dụng thửa đất số 000, tờ bản đồ số 0, tọa lạc tại ấp M1, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BE 937…, số vào sổ cấp GCN: CH 011… do Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Long An cấp ngày 19/12/2012, cập nhật thay đổi chủ sở hữu ngày 14/01/2021 cho bà Trương Thị T.

4. Trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm nêu trên không đủ thanh toán hết nợ tại Ngân hàng thì bà T vẫn phải tiếp tục nghĩa vụ trả hết nợ còn thiếu cho Ngân hàng.

5. Buộc bà T phải chịu toàn bộ chi phí phát sinh trong quá trình tố tụng.

Ngoài ra, Ngân hàng không có yêu cầu gì khác.

Đối với bị đơn là bà Trương Thị T:

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bà T vẫn không đến Tòa án tham gia giải quyết. Tòa án cũng không nhận được văn bản ghi ý kiến hay bản tự khai của bà T.

Tài liệu, chứng cứ do đương sự cung cấp:

Người đại diện của nguyên đơn giao nộp kèm theo đơn khởi kiện là: Điều lệ Ngân hàng Thương mại Cổ phần B (bản sao); Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp Công ty Cổ phần (bản sao); Giấy ủy quyền cho bà L, ông P, ông Q (03 bản chính); Quyết định ủy quyền cho ông Nguyễn Phúc H, ông Nguyễn Đình A (02 bản chính); Hợp đồng tín dụng từng lần khách hàng cá nhân số 01521000002…, ngày 08/01/2021 (bản sao); Thỏa thuận sửa đổi, bổ sung số 01521000002…, ngày 04/10/2021 (bản sao); Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng, mở, sử dụng tài khoản thanh toán và đăng ký dịch vụ Ngân hàng điện tử số 01521000090…,

ngày 21/01/2021 (bản có dấu của Ngân hàng); Giấy nhận nợ số 01521000002000…, ngày 08/01/2021 (bản có dấu của Ngân hàng); Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 01521000010…, ngày 15/01/2021, số công chứng 000, quyển số 01TP/CC-SCC/HĐGD do Văn phòng Công chứng VVN, tỉnh Long An chứng nhận (bản sao); Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BE 937…, số vào sổ cấp GCN: CH 011… do Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Long An, cấp ngày 19/12/2012, cập nhật thay đổi chủ sở hữu ngày 14/01/2021 cho bà Trương Thị T (bản sao); Phiếu yêu cầu đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất (bản sao); Căn cước công dân, sổ hộ khẩu gia đình, giấy xác nhận tình trạng hôn nhân của bà T (bản chụp); Thông báo về việc thu hồi nợ trước hạn, ngày 25/4/2023 (bản chính).

Tại phiên tòa: Bà Trương Thị T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do; Người đại diện của nguyên đơn là ông Đào Hoàng Q vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện nhưng xin bổ sung nội dung nếu từ sau ngày 05/4/2024, bà T thanh toán toàn bộ số tiền nợ vay (bao gồm: gốc, lãi, phí, phạt) phát sinh thì Ngân hàng sẽ giải chấp tài sản bảo đảm cho bà T. Ngoài những nội dung trên, đại diện cho nguyên đơn không có ý kiến hay yêu cầu gì khác. Các đương sự không có thỏa thuận gì về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án cũng như không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ mới.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và việc giải quyết vụ án như sau:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Tuy nhiên, về thời hạn chuẩn bị xét xử Thẩm phán chưa thực hiện đúng theo quy định tại Điều 203 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của những người gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Nguyên đơn và người đại diện của nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70, 71, 85 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Bị đơn vắng mặt trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa là không chấp hành quy định theo các Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Về xác định quan hệ tranh chấp: Từ khi thụ lý vụ án đến nay, Tòa án xác định đây là tranh chấp về kinh doanh, thương mại. Tuy nhiên, trong vụ án này chỉ có nguyên đơn có giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần nên theo quy định tại khoản 1 Điều 30 của Bộ luật Tố tụng Dân sự thì đây không phải là tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh, thương mại giữa cá nhân, tổ chức có đăng ký kinh doanh với nhau mà được xác định là tranh chấp về dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 26, 35, 39, 91, 92, 93, 147, 157, 227, 228, 244 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; các Điều 117, 119, 280, 299, 318, 322, 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 90, 91, 95 của Luật Các tổ chức Tín dụng năm 2010.

+ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà T phải trả ngay cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 04/4/2024 là 1.930.241.219 đồng theo dư nợ Hợp đồng tín dụng từng lần khách hàng cá nhân; Giấy nhận nợ; Thỏa thuận sửa đổi, bổ sung và Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng, mở, sử dụng tài khoản thanh toán và đăng ký dịch vụ Ngân hàng điện tử.

+ Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, bà T còn phải chịu khoản tiền lãi phát sinh của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng từng lần khách hàng cá nhân; Giấy nhận nợ; Thỏa thuận sửa đổi, bổ sung và Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng, mở, sử dụng tài khoản thanh toán và đăng ký dịch vụ Ngân hàng điện tử đã ký cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng.

+ Trường hợp, bà T thanh toán xong toàn bộ số nợ gốc và nợ lãi cho Ngân hàng thì Ngân hàng có trách nhiệm thực hiện các thủ tục giải chấp tài sản thế chấp cho bà T.

+ Trường hợp bà T không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ toàn bộ các khoản nợ nêu trên thì Ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền kê biên, phát mại toàn bộ tài sản bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 01521000010…, ngày 15/01/2021 để thu hồi nợ.

+ Trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm nêu trên không đủ thanh toán hết nợ tại Ngân hàng thì bà T vẫn phải tiếp tục nghĩa vụ trả hết nợ còn thiếu cho Ngân hàng.

+ Về chi phí tố tụng: Buộc bà T phải trả lại chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ cho Ngân hàng.

- Về án phí: Đương sự phải chịu hoặc không phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1] Xác định quan hệ tranh chấp: Khi thụ lý vụ án, Tòa án xác định đây là tranh chấp về kinh doanh, thương mại theo thông báo thụ lý vụ án số 04/2023/TLST-KDTM ngày 17 tháng 7 năm 2023 và Thông báo sửa chữa, bổ sung thông báo về việc thụ lý vụ án số 04A/TB-TA, ngày 31 tháng 7 năm 2023. Xét thấy, nguyên đơn có giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần, việc cho vay có mục đích lợi nhuận; bị đơn là cá nhân không có đăng ký kinh doanh, mục

đích vay để mua bất động sản và tiêu dùng. Do đó, xác định lại đây là tranh chấp về dân sự.

[2] Tại đơn khởi kiện, Ngân hàng yêu cầu Tòa án tuyên buộc bà Trương Thị T có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng toàn bộ số tiền theo Hợp đồng tín dụng và Hợp đồng Thẻ tín dụng. Đề nghị tiếp tục tính lãi phát sinh trên số tiền nợ gốc theo Hợp đồng tín dụng từng lần khách hàng cá nhân; Giấy nhận nợ; Thỏa thuận sửa đổi, bổ sung và Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng, mở, sử dụng tài khoản thanh toán và đăng ký dịch vụ Ngân hàng điện tử đã ký giữa Ngân hàng với bà T cho đến khi bà T thanh toán xong toàn bộ khoản nợ, được xác định quan hệ tranh chấp là "Tranh chấp về Hợp đồng tín dụng, Hợp đồng Thẻ tín dụng" quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; bà T có địa chỉ cư trú tại huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Bà Rịa–Vũng Tàu theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[3] Sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, vẫn tiến hành xét xử.

[4] Về thay đổi, bổ sung yêu cầu: Tại phiên tòa, người đại diện cho nguyên đơn xin thay đổi, bổ sung nội dung đơn khởi kiện. Theo đó, kể từ sau ngày 05/4/2024 nếu bà T thanh toán toàn bộ số tiền nợ vay (bao gồm: gốc, lãi, phí, phạt) phát sinh thì Ngân hàng sẽ giải chấp tài sản bảo đảm cho bà T. Xét thấy, việc thay đổi, bổ sung yêu cầu của đương sự không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng Dân sự nên chấp nhận.

[5] Về tài liệu, chứng cứ: Căn cứ theo lời trình bày của người đại diện cho nguyên đơn trong quá trình tố tụng và tài liệu, chứng cứ đã nộp tại Tòa án thì toàn bộ nội dung trong Hợp đồng tín dụng từng lần khách hàng cá nhân số 01521000002…, ngày 08/01/2021; Giấy nhận nợ số 01521000002000…, ngày 08/01/2021; Thỏa thuận sửa đổi, bổ sung số 01521000002…, ngày 04/10/2021; Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng, mở, sử dụng tài khoản thanh toán và đăng ký dịch vụ Ngân hàng điện tử số 01521000090…, ngày 21/01/2021 và Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 01521000010…, ngày 15/01/2021 do các bên có đầy đủ năng lực pháp luật và năng lực hành vi dân sự ký kết trên cơ sở tự nguyện, mục đích và nội dung thỏa thuận trong hợp đồng là phù hợp với Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng và đúng theo quy định của Luật Các tổ chức Tín dụng năm 2010. Mặt khác, bị đơn đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng vắng mặt, không có ý kiến gì đối với yêu cầu của nguyên đơn và tài liệu, chứng cứ kèm theo, không có yêu cầu phản tố. Toàn bộ tài liệu, chứng cứ nêu trên đã được Tòa án thông báo cho bà T tại Thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ theo quy định

tại các Điều 208, 209 và khoản 3 Điều 210 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Vì vậy, bị đơn phải chịu hậu quả pháp lý của việc không trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện theo quy định tại điểm h khoản 2 Điều 196 và Điều 199 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Do đó, Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và lời trình bày của người đại diện cho nguyên đơn để giải quyết vụ án.

Về áp dụng pháp luật nội dung:

[6] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy: Căn cứ Hợp đồng tín dụng từng lần khách hàng cá nhân số 01521000002…, ngày 08/01/2021 ký kết giữa Ngân hàng với bà T được xác lập theo Giấy nhận nợ số 01521000002000…, ngày 08/01/2021 và Thỏa thuận sửa đổi, bổ sung số 01521000002…, ngày 04/10/2021; Hợp đồng Thẻ tín dụng số 01521000090… ký kết giữa Ngân hàng với bà T được xác lập theo Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng, mở, sử dụng tài khoản thanh toán và đăng ký dịch vụ Ngân hàng điện tử ngày 21/01/2021. Ngân hàng đã giải ngân đối với Hợp đồng tín dụng số tiền là 1.350.000.000 đồng vào tài khoản của bên thụ hưởng (số tài khoản: 0157041018…, chủ tài khoản: Lê Công L, tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần B – PMH) theo yêu cầu của bà T và cấp thẻ tín dụng với hạn mức là 65.000.000 đồng cho bà T. Như vậy, nội dung và hình thức của hợp đồng đã thể hiện ý chí tự nguyện thỏa thuận giữa các bên, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội và phù hợp với quy định pháp luật nên đây là hợp đồng hợp pháp, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên theo quy định tại Điều 117 và Điều 119 của Bộ luật Dân sự.

[7] Quá trình thực hiện Hợp đồng tín dụng: Bà T đã trả cho Ngân hàng được 106.600.000 đồng tiền gốc và 78.545.607 đồng tiền lãi. Đến ngày 26/10/2021 thì bà T ngưng không trả tiền gốc và lãi cho Ngân hàng. Như vậy, bà T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ gốc cũng như nợ lãi đối với Ngân hàng nên Ngân hàng đã thực hiện thu hồi nợ trước hạn theo Thông báo về việc thu hồi nợ trước hạn số 000/2023/TB-BVB ngày 25/04/2023. Tuy nhiên, hết thời hạn yêu cầu thanh toán nhưng bà T vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng. Do bà T vi phạm nghĩa vụ thanh toán, xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp cũng như gây ảnh hưởng xấu đến hoạt động của Ngân hàng nên căn cứ Điều 91, 95 Luật Các tổ chức Tín dụng năm 2010; các Điều 280, Điều 299, Điều 318, Điều 322, Điều 463, Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự, có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng. Buộc bà T phải có nghĩa vụ trả ngay cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 04/4/2024, cụ thể như sau:

- Về khoản nợ theo Hợp đồng tín dụng từng lần khách hàng cá nhân; Giấy nhận nợ và Thỏa thuận sửa đổi, bổ sung gồm: Nợ gốc 1.292.233.197 đồng, lãi trong hạn là 398.183.534 đồng, lãi quá hạn là 65.517.916 đồng, lãi phạt chậm trả lãi là 36.134.026 đồng. Tổng là 1.792.068.673 đồng;

- Về khoản nợ theo Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng, mở, sử dụng tài khoản thanh toán và đăng ký dịch vụ Ngân hàng điện tử gồm: Nợ gốc 62.154.192 đồng, lãi trong hạn 4.064.219 đồng, lãi quá hạn 71.998.135 đồng. Tổng là 138.172.546 đồng.

Tổng cộng: 1.930.241.219 đồng (một tỷ chín trăm ba mươi triệu hai trăm bốn mươi mốt nghìn hai trăm mười chín) đồng.

Đồng thời, kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, bà T còn phải chịu khoản tiền lãi phát sinh của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng từng lần khách hàng cá nhân; Giấy nhận nợ; Thỏa thuận sửa đổi, bổ sung và Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng, mở, sử dụng tài khoản thanh toán và đăng ký dịch vụ Ngân hàng điện tử cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng.

Trường hợp, bà T thanh toán xong toàn bộ số nợ gốc và nợ lãi cho Ngân hàng thì Ngân hàng có trách nhiệm thực hiện các thủ tục giải chấp tài sản thế chấp là quyền sử dụng thửa đất số 000, tờ bản đồ số 0, tọa lạc tại ấp M1, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BE 937…, số vào sổ cấp GCN: CH 011… do Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Long An cấp ngày 19/12/2012 cùng các giấy tờ kèm theo (nếu có) cho bà T theo quy định tại khoản 1 Điều 322 của Bộ luật Dân sự.

[8] Về yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm:

Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 01521000010..., ngày 15/01/2021 được ký kết giữa Ngân hàng và bà Trương Thị T trên cơ sở tự nguyện, mục đích giao kết hợp đồng thế chấp là để bà T dùng tài sản là quyền sử dụng thửa đất số 000, tờ bản đồ số 0, tọa lạc tại ấp M1, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An bảo đảm nghĩa vụ thanh toán nợ đối với các khoản vay theo Hợp đồng tín dụng và Hợp đồng Thẻ tín dụng cho Ngân hàng.

Tại biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 20/11/2023 (do Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Long An thực hiện) thấy rằng: Hiện trạng tài sản thế chấp khác với tài sản được ghi nhận trong Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, cụ thể như sau: Trên đất có 01 (một) căn nhà nuôi bò (chuồng bò), 01 (một) nhà chứa lúa và 01 (một) cây xanh. Ngoài ra, không còn công trình kiến trúc hay cây trồng khác. Tuy nhiên, tại mục 1 (Các trường hợp khác thuộc tài sản bảo đảm) của Điều khoản thế chấp (đính kèm theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất) thì những công trình kiến trúc và cây trồng trên đất cũng thuộc tài sản bảo đảm cho các khoản vay. Do đó, nguyên đơn yêu cầu được quyền phát mại tài sản thế chấp để thu hồi nợ là có cơ sở để chấp nhận theo quy định tại Điều 299 và Điều 318 của Bộ luật Dân sự.

[9] Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 5.000.000 đồng, bị đơn phải chịu theo quy định tại khoản 1 Điều 157 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[10] Nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự đối với giá trị tài sản phải thực hiện nghĩa vụ là 1.930.241.219 đồng. Được tính như sau: Từ trên 800.000.000 đồng đến 2.000.000.000 đồng là 36.000.000 đồng + 3% của phần giá trị tài sản có tranh chấp vượt 800.000.000 đồng. Cụ thể: 36.000.000 đồng + 3% x 1.130.241.219 đồng = 69.907.237 đồng.

[11] Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật tố tụng Dân sự.

[12] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 91, Điều 92, Điều 93, Điều 147, khoản 1 Điều 157, Điều 227, Điều 228, khoản 1 Điều 244, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; các Điều 117, Điều 119, Điều 280, Điều 299, Điều 318, Điều 322, Điều 463, Điều 466 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 90, Điều 91 và Điều 95 của Luật Các tổ chức Tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần B đối với bà Trương Thị T về việc "Tranh chấp Hợp đồng tín dụng và Hợp đồng Thẻ tín dụng".

Buộc bà Trương Thị T có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần B tổng số tiền nợ tính đến ngày 04/4/2024 là 1.930.241.219 đồng (một tỷ chín trăm ba mươi triệu hai trăm bốn mươi mốt nghìn hai trăm mười chín) đồng, cụ thể:

- Tại Hợp đồng tín dụng từng lần khách hàng cá nhân số 01521000002…, ngày 08/01/2021; Giấy nhận nợ số 01521000002000…, ngày 08/01/2021 và Thỏa thuận sửa đổi, bổ sung số 01521000002…, ngày 04/10/2021 là 1.792.068.673 đồng. Trong đó: Nợ gốc là 1.292.233.197 đồng, lãi trong hạn là 398.183.534 đồng, lãi quá hạn là 65.517.916 đồng, lãi phạt chậm trả lãi là 36.134.026 đồng.

- Tại Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng, mở, sử dụng tài khoản thanh toán và đăng ký dịch vụ Ngân hàng điện tử số 01521000090…, ngày 21/01/2021 là 138.172.546 đồng. Trong đó: Nợ gốc 62.154.192 đồng, lãi trong hạn 4.064.219 đồng, lãi quá hạn 71.998.135 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm, bà Trương Thị T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng; Giấy nhận nợ; Thỏa thuận sửa đổi, bổ sung và Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng, mở, sử dụng tài khoản thanh toán và đăng ký dịch vụ Ngân hàng điện tử đã ký kết cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong Hợp đồng tín dụng; Giấy nhận nợ; Thỏa thuận sửa đổi, bổ sung và Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng, mở, sử dụng tài khoản thanh toán và đăng ký dịch vụ Ngân hàng điện tử các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Trường hợp bà Trương Thị T trả hết nợ vay (bao gồm nợ gốc, nợ lãi, phí, phạt) cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần B thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần B có trách nhiệm thực hiện các thủ tục giải chấp tài sản thế chấp là quyền sử dụng thửa đất số 000, tờ bản đồ số 0, tọa lạc tại ấp M1, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BE 937…, số vào sổ cấp GCN: CH 011… do Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Long An cấp ngày 19/12/2012, cập nhật thay đổi chủ sở hữu ngày 14/01/2021 mang tên bà Trương Thị T cùng các giấy tờ kèm theo (nếu có) cho bà Trương Thị T.

3. Trường hợp bà Trương Thị T không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ vay (bao gồm nợ gốc, nợ lãi, phí, phạt) cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần B thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần B được quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản bảo đảm là quyền sử dụng thửa đất số 000, tờ bản đồ số 0, tọa lạc tại ấp M1, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BE 937…, số vào sổ cấp GCN: CH 011… do Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Long An cấp ngày 19/12/2012, cập nhật thay đổi chủ sở hữu ngày 14/01/2021 mang tên bà Trương Thị T theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 01521000010…, ngày 15/01/2021, số công chứng 000, quyển số 01TP/CC-SCC/HĐGD do Văn phòng Công chứng VVN, tỉnh Long An chứng nhận và theo Phiếu yêu cầu đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất được Chi nhánh Văn phòng Đăng ký Đất đai huyện Đ, tỉnh Long An chứng nhận ngày 15/01/2021.

4. Trường hợp số tiền thu được từ việc kê biên, phát mại tài sản bảo đảm nêu trên không đủ thanh toán hết nợ tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần B thì bà Trương Thị T vẫn phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả hết nợ còn thiếu cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần B.

5. Về chi phí tố tụng: Buộc bà Trương Thị T phải trả lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần B số tiền 5.000.000 đồng (năm triệu) đồng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ.

6. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Trương Thị T phải chịu 69.907.237 đồng (sáu mươi chín triệu chín trăm lẻ bảy nghìn hai trăm ba mươi bảy) đồng tiền án phí.

- Ngân hàng Thương mại Cổ phần B không phải chịu tiền án phí. Trả lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần B số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 29.710.000 đồng (hai mươi chín triệu bảy trăm mười nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 00052…, ngày 17 tháng 7 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện X, tỉnh Bà Rịa–Vũng Tàu.

7. Về quyền kháng cáo: Đương sự khởi kiện có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm để yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm. Thời hạn kháng cáo đối với bản án sơ thẩm là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; Đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

"*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, và 9 của Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án Dân sự".*

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu;
- VKSND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu;
- Sở Tư pháp tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu;
- VKSND huyện X;
- Chi Cục THADS huyện X;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký và đóng dấu)

Lê Bá Khuyến